

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST

Ngày 26-4-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đại Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Sỹ Ba

2. Ông Hà Mạnh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 12/4/2023, đối với bị cáo;

Nguyễn Hiệu H - Sinh năm 1997; Nơi sinh và cư trú: Thôn D, xã T, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hiệu X và bà Lê Thị D; Vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12/01/2022 đến ngày 17/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hoàng Trung S, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thanh Th sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Y, xã N, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

3 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

4 Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

5 Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

6 Anh Hoàng Công C, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

7 Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

8 Chị Lê Thị Th, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện X, tỉnh H. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 01/2023, Nguyễn Hiếu H đã sử dụng nguồn tiền của cá nhân cho một số người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương vay với lãi suất từ 5.750đ/1 triệu/1 ngày đến 10.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 209,88%/1 năm đến 365%/1 năm. Khi khách có nhu cầu vay tiền, H kiểm tra thông tin của khách vay như: Tên, tuổi, địa chỉ,... và tùy theo điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của khách vay, H đưa ra hình thức vay, mức lãi suất khác nhau; không yêu cầu khách vay phải cầm cố, thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Khách đồng ý vay tiền, H sẽ đưa tiền cho khách, đồng thời cắt trước tiền lãi và ấn định thời hạn vay, số tiền khách phải trả dần tiền gốc theo ngày cho H cho đến khi trả xong tiền gốc. Sau đó, H lưu thông tin khách vay, số tiền vay vào mục Ghi chú trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen của H để theo dõi, liên lạc với khách vay trong quá trình cho vay, thu nợ. Đến ngày 12/01/2023, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Hiếu H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ tháng 06/2022 đến tháng 01/2023, Nguyễn Hiếu H đã sử dụng nguồn tiền của cá nhân cho 08 khách vay lấy lãi với mức lãi suất đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cụ thể như sau:

1. Ngày 18/11/2022, H cho anh Hoàng Trung S (sinh năm 1995, ở thôn T, xã T1, huyện X) vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền phí hồ sơ. Anh S phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (ngày đầu tiên trả 400.000 đồng; 32 ngày tiếp theo trả mỗi ngày 300.000 đồng). Anh S đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng,

lãi suất 2.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 221,21%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính của anh S là 1.819.178 đồng tiền lãi và 150.000 đồng tiền phí hồ sơ, tổng cộng là 1.969.178 đồng.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh Th (sinh năm 1982, ở thôn Y, xã N, huyện X) vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1*: Ngày 09/12/2022, H cho chị Th vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí hồ sơ. Chị Th phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 30 ngày (ngày đầu tiên trả 430.000 đồng; 29 ngày tiếp theo trả mỗi ngày 330.000 đồng). Chị Th đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 30 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 365%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/30 ngày là 164.384 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.835.616 đồng tiền lãi và 250.000đ tiền phí hồ sơ, tổng cộng là 3.085.616 đồng.

- *Lần thứ 2*: Ngày 05/01/2023, H cho chị Th vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí hồ sơ. Chị Th phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 30 ngày (ngày đầu tiên trả 430.000 đồng; 29 ngày tiếp theo trả mỗi ngày 330.000 đồng). Chị Th đã trả được cho H số tiền gốc trong 09 ngày là 3.070.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 6.930.000 đồng. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 30 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 365%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/30 ngày là 164.384 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.835.616 đồng tiền lãi và 250.000đ tiền phí hồ sơ, tổng cộng là 3.085.616 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của chị Th trong 02 lần cho vay nêu trên là 6.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 328.768 đồng; số tiền thu lời bất chính là: 6.171.232 đồng (trong đó tiền lãi vượt quá quy định là 5.671.232 đồng và tiền thu trái pháp luật là 500.000 đồng). Chị Th còn nợ H số tiền gốc là 6.930.000 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1963, ở thôn T, xã T1, huyện X) vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1*: Ngày 24/9/2022, H cho chị H vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Chị H phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (mỗi ngày trả 250.000 đồng). Chị H đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2.300.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 209,88%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/40 ngày là 219.178 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.080.822 đồng.

- *Lần thứ 2*: Ngày 27/12/2022, H cho chị H vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Chị H phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (mỗi ngày trả 250.000 đồng). Chị H đã trả được cho H số tiền gốc trong 15 ngày là 3.750.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 6.250.000 đồng. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2.300.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 209,88%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/40 ngày là 219.178 đồng. Như vậy, số tiền Hào đã thu lời bất chính là 2.080.822 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của chị H trong 02 lần cho vay nêu trên là 4.600.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 438.356 đồng; số tiền H thu lời bất chính là: 4.161.644 đồng. Chị H còn nợ H số tiền gốc là 6.250.000 đồng

4. Ngày 18/12/2022, H cho chị Nguyễn Thị Kh (sinh năm 1977, ở thôn P, xã K, huyện X) vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Chị Kh phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (mỗi ngày trả 250.000 đồng). Chị Kh đã trả được cho H số tiền gốc trong 22 ngày là 5.500.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 4.500.000 đồng. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 228,13%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/40 ngày là 219.178 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.280.822 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1987, ở thôn C, xã L, huyện X) vay 07 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1*: Ngày 06/6/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 300.000 đồng; ngày cuối cùng trả 400.000 đồng). Chị N đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy

định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.819.178 đồng.

- *Lần thứ 2:* Ngày 05/7/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 300.000 đồng; ngày cuối cùng trả 400.000 đồng). Chị N đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.819.178 đồng.

- *Lần thứ 3:* Ngày 11/8/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 300.000 đồng; ngày cuối cùng trả 400.000 đồng). Chị N đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.819.178 đồng.

- *Lần thứ 4:* Ngày 13/9/2022, H cho chị N vay số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 600.000 đồng; ngày cuối cùng trả 800.000 đồng). Chị N đã trả xong số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 20.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 20.000.000 đồng/33 ngày là 361.644 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 5.638.356 đồng.

- *Lần thứ 5:* Ngày 16/10/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 300.000 đồng; ngày cuối cùng trả 400.000 đồng). Chị N đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.819.178 đồng.

- *Lần thứ 6:* Ngày 18/11/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 300.000 đồng;

ngày cuối cùng trả 400.000 đồng). Chị N đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.819.178 đồng.

- *Lần thứ 7*: Ngày 21/12/2022, H cho chị N vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Chị N phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 33 ngày (32 ngày mỗi ngày trả 300.000 đồng; ngày cuối cùng trả 400.000 đồng). Chị N đã trả được cho H số tiền gốc trong 21 ngày là 6.300.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 3.700.000 đồng. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ trong thời hạn 33 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 331,82%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/33 ngày là 180.822 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.819.178 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của chị N trong 07 lần cho vay nêu trên là 24.000.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.446.576 đồng; số tiền Hà thu lời bất chính là: 22.553.424 đồng. Chị N còn nợ H số tiền gốc là 3.700.000 đồng.

6. Ngày 15/06/2022, H cho anh Hoàng Công C (sinh năm 2000, ở thôn D, xã T, huyện X) vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Anh C phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (mỗi ngày trả 250.000 đồng). Anh C đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 228,13%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/40 ngày là 219.178 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính của anh Cường là 2.280.822 đồng.

7. Chị Nguyễn Hồng D (sinh năm 1976, ở thôn N, xã P, huyện X) vay 03 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1*: Ngày 07/12/2022, H cho chị D vay số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Chị D phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 30 ngày (mỗi ngày trả 500.000 đồng). Chị D đã trả xong số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 15.000.000 đồng, lãi suất 4.500.000đ trong thời hạn 30 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 365%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 15.000.000 đồng/30 ngày là 246.575 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 4.253.425 đồng.

- *Lần thứ 2*: Ngày 15/12/2022, H cho chị D vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Chị D phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 30 ngày (ngày đầu tiên trả 2.150.000 đồng; 29 ngày tiếp theo mỗi ngày trả 1.650.000 đồng). Chị D đã trả xong số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 50.000.000 đồng, lãi suất 15.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 365%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 50.000.000 đồng/30 ngày là 821.918 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 14.178.082 đồng.

- *Lần thứ 3*: Ngày 05/01/2023, H cho chị D vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Chị D phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 30 ngày (ngày đầu tiên trả 1.430.000đ đồng; 29 ngày tiếp theo mỗi ngày trả 1.330.000 đồng). Chị D đã trả được cho H số tiền gốc trong 03 ngày là 4.090.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 35.910.000 đồng. Với số tiền H cho vay 40.000.000 đồng, lãi suất 12.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 365%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 40.000.000 đồng/30 ngày là 657.534 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 11.342.466 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của chị D trong 03 lần cho vay nêu trên là 31.500.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.726.027 đồng; số tiền H thu lời bất chính là: 29.773.973 đồng. Chị D còn nợ H số tiền gốc là 35.910.000 đồng.

8. Chị Lê Thị Th (sinh năm 1988, ở thôn C, xã L, huyện X) vay 03 lần, cụ thể:

- *Lần thứ 1*: Ngày 23/10/2022, H cho chị Th vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Th phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (mỗi ngày trả 250.000 đồng). Chị Th đã trả xong số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng cho H. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 228,13%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/40 ngày là 219.178 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.280.822 đồng.

- *Lần thứ 2*: Ngày 01/12/2022, H cho chị Th vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Th phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (mỗi ngày trả 250.000 đồng). Chị Th đã trả được cho H số tiền gốc trong 29 ngày là 7.250.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 2.750.000 đồng. Với số tiền H cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2.500.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất

228,13%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000 đồng/40 ngày là 219.178 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 2.280.822 đồng.

- *Lần thứ 3*: Ngày 08/12/2022, H cho chị Th vay số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Khi cho vay, H cắt trước tiền lãi 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Th phải trả dần tiền gốc cho H trong thời hạn 40 ngày (39 ngày mỗi ngày trả 380.000 đồng, ngày cuối cùng trả 180.000 đồng). Chị Th đã trả được cho H số tiền gốc trong 36 ngày là 13.680.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 1.320.000 đồng. Với số tiền H cho vay 15.000.000 đồng, lãi suất 3.750.000đ trong thời hạn 40 ngày sẽ tương đương với mức lãi suất 228,13%/1 năm. Mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 15.000.000 đồng/40 ngày là 328.767 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lời bất chính là 3.421.233 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của chị Th trong 03 lần cho vay nêu trên là 8.750.000 đồng. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 767.123 đồng; số tiền H thu lời bất chính là: 7.982.877 đồng. Chị Th còn nợ H số tiền gốc là 4.070.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 01/2023, Nguyễn Hiếu H đã sử dụng tổng số tiền 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*) của cá nhân cho 08 khách vay gồm: Anh Hoàng Trung S; chị Nguyễn Thị Thanh Th; chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị Kh; chị Nguyễn Thị N; anh Hoàng Công C; chị Nguyễn Hồng D và chị Lê Thị Th với mức lãi suất từ 209,88%/1 năm đến 365%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 11,06 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong đó:

Tổng số tiền lãi Nguyễn Hiếu H đã thu được của 08 khách vay trên kể từ ngày vay cho đến ngày 12/01/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 81.850.000đ (*Tám mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.326.027đ (*Năm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*). Số tiền lãi Hào đã thu vượt quá mức quy định là 76.523.973đ (*Bảy mươi sáu triệu năm trăm hai mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Ngoài việc thu tiền lãi của khách, khi cho anh Hoàng Trung S, chị Nguyễn Thị Thanh Th vay tiền, Nguyễn Hiếu H còn thu thêm tiền phí làm hồ sơ vay (thu của anh S số tiền 150.000 đồng; thu của chị Th 02 lần với tổng số tiền 500.000 đồng). Tuy nhiên, thực tế H không làm hồ sơ mà mục đích để hưởng lợi cá nhân, thu trái pháp luật với tổng số tiền là 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng.

Cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 30/03/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Hiếu H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hiếu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 36; 46; 47; 48 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hiếu H từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Giao bị cáo cho UBND xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương giám sát, giáo dục.

Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu của H để sung công quỹ Nhà nước gồm: Tổng số tiền 08 khách vay đã trả tiền nợ gốc cho Nguyễn Hiếu H là 228.640.000đ (*Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); Số tiền lãi thu được theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.326.027đ (*Năm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*).

+ Buộc Nguyễn Hiếu H phải trả số tiền đã thu lợi bất chính cho 08 người vay gồm: Anh Hoàng Trung S: 1.969.178 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh Th: 6.171.232đồng; chị Nguyễn Thị H: 4.161.644 đồng; chị Nguyễn Thị Kh: 2.280.822 đồng; chị Nguyễn Thị N: 22.553.424 đồng; anh Hoàng Công C: 2.280.822 đồng; chị Nguyễn Hồng D: 29.773.973 đồng; chị Lê Thị Th: 7.982.877 đồng.

+ Buộc những người vay còn nợ tiền gốc của Nguyễn Hiếu H phải nộp lại số tiền còn nợ để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thanh Th còn nợ 6.930.000 đồng; chị Nguyễn Thị H còn nợ 6.250.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kh còn nợ 4.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị N còn nợ 3.700.000 đồng; chị Nguyễn Hồng D còn nợ 35.910.000 đồng; chị Lê Thị Th còn nợ 4.070.000 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số máy: MQ982LL/A, số seri: DX3XHCN4JCM1, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0335839016 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh đen, số IMEI: 353698/02/020585/6, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0398646335.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, không tranh luận xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] *Hành vi của bị cáo:* Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2022 đến tháng 01/2023, Nguyễn Hiếu H đã sử dụng số tiền 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*) của cá nhân cho 08 khách vay gồm: Anh Hoàng Trung S; chị Nguyễn Thị Thanh Th; chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị Kh; chị Nguyễn Thị N; anh Hoàng Công C; chị Nguyễn Hồng D và chị Lê Thị Th, với mức lãi suất từ 209,88%/1 năm đến 365%/1 năm, vượt quá từ 11,06 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính tổng số tiền là 77.173.973đ (*Bảy mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hiếu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] *Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Bị cáo Nguyễn Hiếu H vì động cơ, mục đích tư lợi đã có hành vi dùng tiền của mình cho người khác vay tiền, thu lời bất chính. Hành vi bất hợp pháp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của

công dân. Bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp.

Do vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

*[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:*

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân tốt, chấp hành tốt mọi quy định của địa phương; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng cải tạo, nên phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự là đủ để giáo dục, cải tạo và răn đe người phạm tội trở thành công dân tốt. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có thu nhập ổn định được UBND xã xác nhận nên không khấu trừ thu nhập.

*[5] Xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Điều 468 Bộ luật dân sự.*

\* Truy thu số tiền 228.640.000đ (*Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) từ Nguyễn Hiếu H dùng để cho vay với lãi suất cao là phương tiện phạm tội sung quỹ Nhà nước cụ thể: Anh S trả 10.000.000 đồng; chị Th trả 02 lần vay với tổng số tiền là 13.070.000 đồng; chị H trả 02 lần vay với tổng số tiền là 13.750.000 đồng; chị Kh trả 5.500.000 đồng; chị N trả 07 lần vay với tổng số tiền là 76.300.000 đồng; anh C trả 10.000.000 đồng; chị D trả 03 lần vay với tổng số tiền là 69.090.000 đồng; chị Th trả 03 lần vay với tổng số tiền là 30.930.000 đồng.

\* Truy thu từ Nguyễn Hiếu H khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, đây là khoản phát sinh từ tội phạm của Nguyễn Hiếu H số tiền 5.326.027đ (*Năm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*).

\* Truy thu số tiền gốc (chưa trả cho Nguyễn Hiếu H) từ chị Nguyễn Thị Thanh Th còn nợ 6.930.000 đồng; chị Nguyễn Thị H còn nợ 6.250.000 đồng; chị

Nguyễn Thị Kh còn nợ 4.500.000 đồng; chị Nguyễn Thị N còn nợ 3.700.000 đồng; chị Nguyễn Hồng D còn nợ 35.910.000 đồng; chị Lê Thị Th còn nợ 4.070.000 sung quỹ Nhà nước vì là phương tiện phạm tội.

\* Buộc bị cáo Nguyễn Hiếu H phải trả khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà H đã thu lợi bất chính của người vay cụ thể: Trả cho anh Hoàng Trung S: 1.819.178 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh Th: 5.671.232 đồng; chị Nguyễn Thị H: 4.161.644 đồng; chị Nguyễn Thị Khu: 2.280.822 đồng; chị Nguyễn Thị N: 22.553.424 đồng; anh Hoàng Công Cường: 2.280.822 đồng; chị Nguyễn Hồng D: 29.773.973 đồng; chị Lê Thị Th: 7.982.877 đồng.

\* Buộc bị cáo Nguyễn Hiếu H phải trả số tiền 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) H thu tiền phí làm hồ sơ vay nhưng mục đích là để hưởng lợi cá nhân cho anh Sơn 150.000 đồng và chị Thúy 500.000 đồng.

\* Tịch thu phát mại sung công 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số máy: MQ982LL/A, số seri: DX3XHCN4JCM1, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0335839016, điện thoại được đựng phong bì do Công an huyện Quảng Xương phát hành có ký hiệu M1 được dán kín niêm phong bởi 04 hình dấu tròn của Công an Huyện Quảng Xương.

\* Tịch thu phát mại sung công 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh đen, số IMEI: 353698/02/020585/6, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0398646335, điện thoại được đựng phong bì do Công an huyện Quảng Xương phát hành có ký hiệu M2 được dán kín niêm phong bởi 04 hình dấu tròn của Công an Huyện Quảng Xương.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương).

Theo mức đề nghị hình phạt và xử lý vật chứng của Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Hiếu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hiếu H 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ đi ngày tạm giữ từ ngày 12/01/2023 đến ngày 17/01/2023 bằng 18 (mười tám) ngày Cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Không khấu trừ thu nhập của Nguyễn Hiếu H.

Giao người bị phạt cải tạo không giam giữ (Nguyễn Hiếu H) cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Gia đình Nguyễn Hiếu H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Quảng Trung trong việc giám sát, giáo dục (Nguyễn Hiếu H).

Hình phạt bổ sung: Nguyễn Hiếu H bị phạt tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Truy thu của Nguyễn Hiếu H 233.966.027 đồng (*Hai trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*), (gồm có tiền dùng để cho vay và khoản tiền phát sinh từ phạm tội) sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền gốc (mà Nguyễn Hiếu H cho vay chưa trả) từ chị Nguyễn Thị Thanh Th 6.930.000 đồng (Sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); chị Nguyễn Thị H 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Kh 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng); chị Nguyễn Thị N 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng); chị Nguyễn Hồng D 35.910.000 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng); chị Lê Thị Th 4.070.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

\* Buộc bị cáo Nguyễn Hiếu H phải trả khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm và tiền mà H thu phí hồ sơ của những người vay (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) tổng số tiền là 77.175.000đ cụ thể (đã làm tròn số): Trả cho anh Hoàng Trung S: 1.970.000đ (một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Thanh Th: 6.171.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng); chị Nguyễn Thị H: 4.161.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn); chị Nguyễn Thị Kh: 2.281.000đ (hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn); chị Nguyễn Thị N: 22.553.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm

năm mười ba nghìn đồng); anh Hoàng Công C: 2.281.000đồng (hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng); chị Nguyễn Hồng Duyên: 29.775.000đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); chị Lê Thị Th: 7.983.000đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

\* Tịch thu phát mại sung công 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số máy: MQ982LL/A, số seri: DX3XHCN4JCM1, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0335839016, điện thoại được đựng phong bì do Công an huyện Quảng Xương phát hành có ký hiệu M1 được dán kín niêm phong bởi 04 hình dấu tròn của Công an Huyện Quảng Xương.

\* Tịch thu phát mại sung công 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh đen, số IMEI: 353698/02/020585/6, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0398646335, điện thoại được đựng phong bì do Công an huyện Quảng Xương phát hành có ký hiệu M2 được dán kín niêm phong bởi 04 hình dấu tròn của Công an Huyện Quảng Xương.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương).

**- Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.

Buộc bị cáo Nguyễn Hiếu H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9*

*Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Xương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đại Long**